

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-08-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phát Lộc

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Lê Minh Thật

2. Ông Nguyễn Quốc Thắng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 30 tháng 08 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/07/2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Bà Ngô Kim T (Ngô Thị T), sinh năm: 1975 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 07, xã XP, huyện LM, tỉnh Hậu Giang

Bị đơn: Ông Cao Minh T1, sinh năm: 1972 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 07, xã XP, huyện LM, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 01/07/2022, quá trình tố tụng và tại tòa hôm nay, nguyên đơn chị Ngô Kim T trình bày:

Chị T và Anh T1 có tổ chức lễ cưới vào năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung là Cao Văn S, sinh năm: 1994 và Cao Tấn L sinh năm: 2003

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có.

Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Tiến thống nhất chịu toàn bộ.

Bị đơn anh Cao Minh T1 trình bày: Anh T1 thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay.

Nay chị T yêu cầu ly hôn anh T1 đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh T1 thống nhất để chị T chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Kim T và anh Cao Minh T1 qua tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992. Quá trình chung sống với nhau chị T và anh T1 có đầy đủ các điều kiện về kết hôn theo quy định nhưng chị T và anh T1 không đăng ký kết hôn nên về mặt pháp luật không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay chị T xin được ly hôn với anh T1 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận chị T và anh T1 là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị T và anh T1 thừa nhận có 02 con chung là Cao Văn S, sinh năm: 1994 và Cao Tấn L, sinh năm: 2003 hiện đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Ngô Kim T và anh Cao Minh T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ngô Kim T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006416 ngày 06/07/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- THA huyện Long Mỹ;
- UBND xã (để theo dõi);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Phát Lộc